

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14/11/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1983;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Lưu Văn C**, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953; địa chỉ; Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Ông Lưu Văn B, sinh năm 1939; địa chỉ; Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày: Chị và anh Lưu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2003. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến giữa năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, chi tiêu kinh tế không thống nhất, anh C không chịu tu chí làm ăn mà mãi chơi, vợ chồng luôn xúc phạm to tiếng với nhau. Từ năm 2005 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ hai lần. Sau đó anh C có đến xin lỗi, chị đã quay lại chung sống với anh C. Chị cũng đã khuyên bảo anh C nhưng anh C không thay đổi, anh C ngày càng đối xử thậm tệ với chị, có vài lần còn đánh đập chị. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị đi xuất khẩu lao động tại nước Nga từ năm 2013 đến tháng 10/2017 thì về nước. Trong khoảng thời gian chị đi lao động ở nước Nga, vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, to tiếng với nhau, cũng vì xuất phát từ tài chính chi tiêu trong gia đình, chị làm được bao nhiêu cũng gửi về cho anh C lo liệu cuộc sống. Chị về nước vào tháng 10/2017, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chi tiêu kinh tế gia đình giữa hai vợ chồng không có sự thống nhất, anh C không chịu làm ăn, thô lỗ, cục cằn, đánh chửi cả chị và cả bố mẹ anh C. Đến tháng 7/2018, anh C đuổi mẹ con chị đi vào đúng lúc đêm tối nên chị và hai con phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng chị ly thân nhau từ đó cho tới nay. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn căng thẳng. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh C có đến một vài lần nhưng chỉ chửi chị và gia đình chị sau khi khuyên chị quay về không được. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Lưu Mai Ch, sinh ngày 04/11/2003 và Lưu Hải A, sinh ngày 28/10/2008. Hiện, hai cháu đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu. Chị tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm việc tại Công ty T ở khu Công nghiệp L, huyện K, tỉnh Hải Dương, thu nhập bình quân

8.000.000 đồng một tháng, bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ăn ở sinh hoạt cho mẹ con chị, các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị. Chị sẽ đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho các cháu, anh C thu nhập không ổn định sẽ không đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án lấy lời khai của ông Lưu Văn B là bố đẻ của anh C, lời khai của ông Nguyễn Văn H là bố đẻ của chị N và xác minh tại thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa chị N và C luôn căng thẳng, có mâu thuẫn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh C và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng với đại diện UBND xã K xuống tại gia đình anh C để làm việc, nhưng anh C từ chối khai báo và từ chối nhận các văn bản của Tòa án với lý do anh không muốn ly hôn. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh C đến tham gia phiên tòa nhưng anh C vắng mặt. Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh C đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Lưu Văn C. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lưu Mai Ch, sinh ngày 04/11/2003 và Lưu Hải A, sinh ngày 28/10/2008 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lưu Văn C kết hôn vào năm 2003, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị Nhung sống đến giữa năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chi tiêu kinh tế trong gia đình không có sự thống nhất, anh C không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã ly thân được một thời gian, nhưng anh C cũng không có tác động gì để cải thiện quan hệ vợ chồng với chị N. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh C từ chối nhận các văn bản tố tụng, từ chối khai và không đến Tòa án làm việc. Thể hiện, việc anh C bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ và gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn của chị N. Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh C. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích N xin được ly hôn anh Lưu Văn C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lưu Văn C có hai con chung là Lưu Mai Ch, sinh ngày 04/11/2003 và Lưu Hải A, sinh ngày 28/10/2008. Hai cháu đang ở với chị N và do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Quá trình chuẩn bị xét xử, anh C không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị N thì thấy, cháu Ch đã 15 tuổi, cháu Hải A đã 10 tuổi, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị N. Chị N có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của các cháu, Tòa án giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ch và cháu Hải A đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Lưu Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Mai Ch, sinh ngày 04/11/2003 và Lưu Hải A, sinh ngày 28/10/2008 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 11/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Lưu Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0004215 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn